

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2663 /UBND-TH

Bình Định, ngày 27 tháng 04 năm 2023

V/v báo cáo một số chỉ tiêu ngoại
bảng cân đối kế toán Quý I/2023 tại
doanh nghiệp 100% vốn nhà nước
trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số
36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021
của Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Quyết định số 1405/QĐ-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp của các đơn vị có liên quan, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán Quý I/2023 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/3/2023: 05 doanh nghiệp, gồm:

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;
- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

2. Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán tại doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo chi tiết về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán trong quý I/2023 của các doanh nghiệp:

- Báo cáo tổng hợp của Sở Tài chính về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định trong quý I/2023: *Theo phụ lục I đính kèm;*

- Báo cáo của 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán trong quý I/2023: *Theo báo cáo của 05 doanh nghiệp đính kèm.*

Trên đây là báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán quý I/2023 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

KỶ BÁO CÁO: QUÝ I NĂM 2023

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CSH: UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	1. Nợ phải thu khó đòi						2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước					
		Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		Tổng		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	2.611.203.276	2.611.203.276	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	2.065.365.000	41.000.000	0	1.500.000.000	2.065.365.000	1.541.000.000
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	19.992.279.400	12.260.000.000	5.000.000.000	0	24.992.279.400	12.260.000.000
Tổng cộng		0	0	0	0	2.611.203.276	2.611.203.276	22.057.644.400	12.301.000.000	5.000.000.000	1.500.000.000	27.057.644.400	13.801.000.000

STT	Đơn vị	3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài						4. Vay và nợ dài hạn trong nước									
		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		Tổng		Vay dài hạn các NHTM, TCTD		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Thuế tài chính dài hạn trong nước		Các khoản vay dài hạn trong nước khác		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xây dựng kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	3.433.000.000	3.433.000.000	0	0	0	0	0	0	3.433.000.000	3.433.000.000
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	11.683.000.000	16.643.000.000	0	0	0	0	0	0	11.683.000.000	16.643.000.000

STT	Đơn vị	5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài												6. Vốn điều lệ		7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN năm trước chuyển sang		
		Vay lại vốn ODA của Chính phủ		Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Các khoản vay nước ngoài còn lại		Tổng						
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	435.588.000.000	435.588.000.000	322.006.585	751.513.562
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	74.500.000.000	74.500.000.000	8.114.466.497	15.422.209.097
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	47.850.000.000	47.850.000.000	162.820.763	352.968.428
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42.225.000.000	42.225.000.000	669.349.821	1.398.057.176
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	46.828.000.000	46.828.000.000	-100.943.244	140.455.649
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	646.991.000.000	646.991.000.000	9.167.700.422	18.065.203.912

STT	Đơn vị	8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN								9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN				10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	
		Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		Lợi nhuận/ cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		Tổng		Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		Tổng			
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	1.628.995.358	30.682.109	0	0	0	0	1.628.995.358	30.682.109	0	0	1.199.488.381	761.839.502	751.513.562	20.356.169
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	28.946.823.179	40.170.577.515	0	0	19.705.398.323	0	48.652.221.502	40.170.577.515	11.260.000.000	4.163.398.323	41.344.478.902	41.629.191.897	15.422.209.097	13.963.594.715
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	627.167.131	10.210.117	0	0	0	0	627.167.131	10.210.117	0	0	437.019.466	369.454.382	352.968.428	-6.275.837
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	499.152.988	565.921.998	0	0	771.264.800	1.200.760.584	1.270.417.788	1.766.682.582	679.303.805	875.719.061	861.423.442	1.570.854.596	1.078.344.167	1.593.885.162
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	17.025.313	53.885.708	0	0	68.664.059	0	85.689.372	53.885.708	0	90.000.000	121.790.285	286.688.406	-137.044.157	-92.347.049
	Tổng cộng	31.719.163.969	40.831.277.447	0	0	20.545.327.182	1.200.760.584	52.264.491.151	42.032.038.031	11.939.303.805	5.129.117.384	43.964.200.476	44.618.028.783	17.467.991.097	15.479.213.160